

Những lưu ý khi đổi từ CCCD sang thẻ căn cước từ ngày 01/7/2024

1. Các trường hợp phải đổi CCCD sang thẻ căn cước từ ngày 01/7/2024

Điều 46 Luật Căn cước năm 2023 quy định như sau:

“Điều 46. Quy định chuyển tiếp

1. Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước.

...

3. Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4. Quy định về việc sử dụng căn cước công dân, chứng minh nhân dân trong các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được áp dụng như đối với thẻ căn cước quy định tại Luật này cho đến khi văn bản quy phạm pháp luật đó được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”

Căn cứ quy định trên thì từ ngày 01/7/2024, nếu thẻ CCCD hết hạn thì công dân bắt buộc phải đổi từ CCCD sang thẻ căn cước.

Bên cạnh đó, căn cứ theo Điều 23 Luật Căn cước công dân năm 2014 và Điều 24 Luật Căn cước năm 2023 thì công dân bắt buộc phải đổi từ CCCD sang thẻ căn cước từ ngày 01/7/2024 trong các trường hợp sau:

- Khi đến độ tuổi phải đổi thẻ, cụ thể: công dân phải đổi thẻ Căn cước khi đủ 14 tuổi (bao gồm: trường hợp cấp thẻ Căn cước lần đầu), 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi.

Lưu ý: Công dân nếu cấp, cấp đổi, cấp lại trong thời hạn 02 năm trước các độ tuổi phải đổi thẻ Căn cước ở trên (tức đủ 23 tuổi, đủ 38 tuổi và đủ 58 tuổi) thì vẫn có giá trị sử dụng đến độ tuổi đổi thẻ tiếp theo)

- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh;

- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật;

- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước;

- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính;

- Xác lập lại số định danh cá nhân;
- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

Ngoài ra, các trường hợp cấp lại thẻ căn cước bao gồm:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 Luật Căn cước năm 2023;
- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

2. Sẽ thu thập sinh trắc học móng mắt khi công dân làm thẻ căn cước

Theo khoản 1 Điều 23 Luật Căn cước năm 2023 quy định về trình tự, thủ tục cấp thẻ căn cước. Trong đó, có nêu rõ: Người tiếp nhận thu nhận thông tin nhân dạng và thông tin sinh trắc học gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt của người cần cấp thẻ căn cước;

Như vậy, từ ngày 01/7/2024, khi công dân thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước sẽ được thu nhận thông tin sinh trắc học móng mắt cùng với vân tay và ảnh khuôn mặt.

Theo đó, việc thu thập thông tin sinh trắc học móng mắt để làm cơ sở đối soát, xác thực thông tin của mỗi cá nhân; hỗ trợ trong những trường hợp không thu nhận được vân tay của một người (trong các trường hợp khuyết tật, vân tay bị biến dạng...).

Về việc thu thập móng mắt để bổ sung cho thẻ Căn cước, Điều Luật Căn cước năm 2023 cũng nêu rõ, thẻ Căn cước công dân đã được cấp trước ngày 01/7/2024 có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ Căn cước.

Thẻ Căn cước công dân hết hạn sử dụng từ ngày 15/01/2024 đến trước 30/6/2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết 30/6/2024.

Thẻ Căn cước công dân vẫn được sử dụng bình thường nếu thời hạn trên thẻ vẫn còn mà không bắt buộc phải thu thập móng mắt để bổ sung cho thẻ này. Chỉ khi người dân có nhu cầu đổi sang thẻ Căn cước thì mới bắt buộc phải thu thập móng mắt.

3. Mẫu thẻ căn cước mới chính thức từ 1/7/2024

Căn cứ tại Điều 3 Thông tư 16/2024/TT-BCA quy định về 2 mẫu thẻ Căn cước mới chính thức.

Cụ thể thông tin được in trên thẻ như sau:

- Hai mặt của thẻ căn cước in hoa văn màu xanh chuyển ở giữa màu vàng đến xanh. Nền mặt trước gồm bản đồ hành chính Việt Nam, trống đồng, các hoa văn, họa tiết truyền thống trang trí. Nền mặt sau gồm các hoa văn được kết hợp với hình ảnh hoa sen và các đường cong vắt chéo đan xen.

- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ căn cước (đối với thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 06 tuổi trở lên) được in màu trực tiếp trên thẻ căn cước. Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đường kính 12mm; ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ căn cước kích thước 20mm x 30mm; vị trí in mã QR kích thước 18mm x 18mm.

- Màu sắc của các thông tin trên thẻ căn cước:

+ Màu xanh tím đối với các dòng chữ: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM, Independence - Freedom - Happiness; IDENTITY CARD; Số định danh cá nhân/Personal identification number; Họ, chữ đệm và tên khai sinh/Full name; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Nơi cư trú/Place of residence; Nơi đăng ký khai sinh/Place of birth; Ngày, tháng, năm cấp/Date of issue; Ngày, tháng, năm hết hạn/Date of expiry; BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY và biểu tượng chip điện tử;

+ Màu đỏ đối với dòng chữ CĂN CƯỚC;

+ Màu đen đối với: Thông tin về số định danh cá nhân; thông tin của người được cấp thẻ căn cước; thông tin về ngày, tháng, năm cấp; thông tin về ngày, tháng, năm hết hạn; mã QR; dòng MRZ.

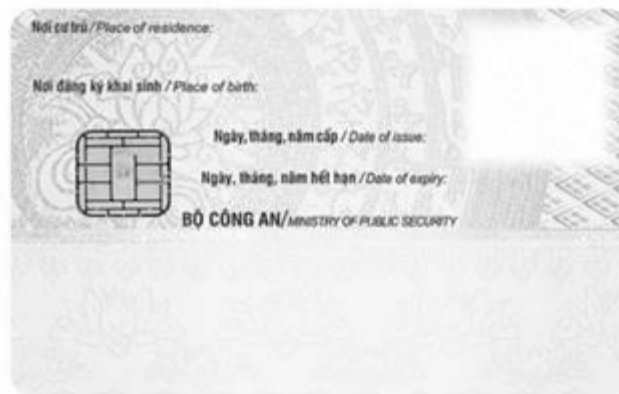
- Mặt trước thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam dưới 06 tuổi gồm các thông tin sau:

Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM, Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC; IDENTITY CARD; biểu tượng chip điện tử; Số định danh cá nhân/Personal identification number; Họ, chữ đệm và tên khai sinh/Full name; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality.



- Mặt sau thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam gồm các thông tin từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, như sau:

- + Nơi cư trú/Place of residence;
- + Nơi đăng ký khai sinh/Place of birth;
- + Chíp điện tử;
- + Mã QR;
- + Ngày, tháng, năm cấp/Date of issue;
- + Ngày, tháng, năm hết hạn/Date of expiry;
- + BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY;
- + Dòng MRZ.



4. Xử phạt khi sử dụng căn cước công dân hết hạn

Theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;

- Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân;

- Không nộp lại Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân cho cơ quan có thẩm quyền khi được thôi, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; không nộp lại Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân cho cơ quan thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù, cơ quan thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Theo quy định nêu trên, nếu công dân sử dụng thẻ căn cước công dân hết hạn thì sẽ được xác định là không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân theo đó thì công dân có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.